CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Tổng Công ty cơ khí xây dựng - CTCP

Ngày 31/12/2025	3,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**-**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,000 - 4,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	72
Số lượng CPLH (CP)	23,850,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.38
EPS	258
P/E	11.6

DT thuần *Q4/25*
126 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 50.2| 66.0%
YoY: ▲ 11.0| 9.4%

LN thuần *Q4/25*
1.89 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼3.15| -62.5%
YoY: ▼25.4| -93.1%

LN sau thuế *Q4/25*
0.33 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼3.35| -91.0%
YoY: ▼25.2| -98.7%

Tỷ suất lãi EBIT *2025*
5.8%
YoY: +/-▼ 12.1%

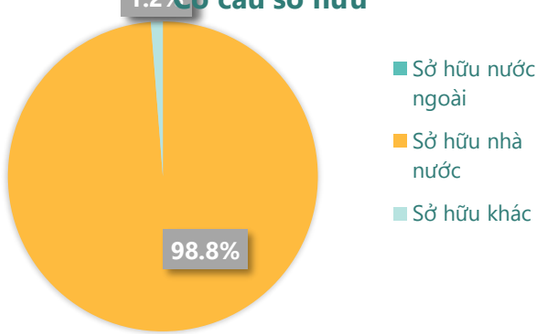
ROE *2025*
-16.1%
YoY: +/-▲ 36.6%

DT thuần *2025*
333 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 47.0| 16.5%

LN thuần *2025*
14.1 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼37.0| -72.4%

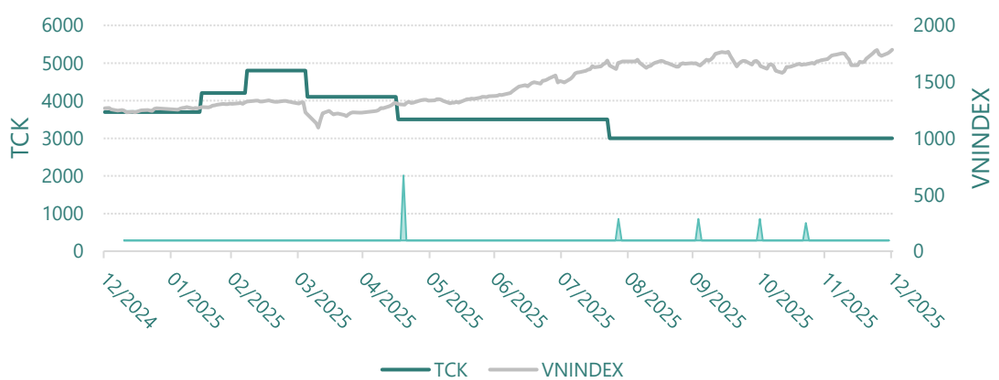
LN sau thuế *2025*
8.52 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼27.2| -76.2%

Cơ cấu sở hữu

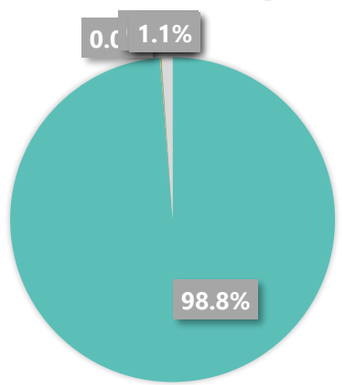


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

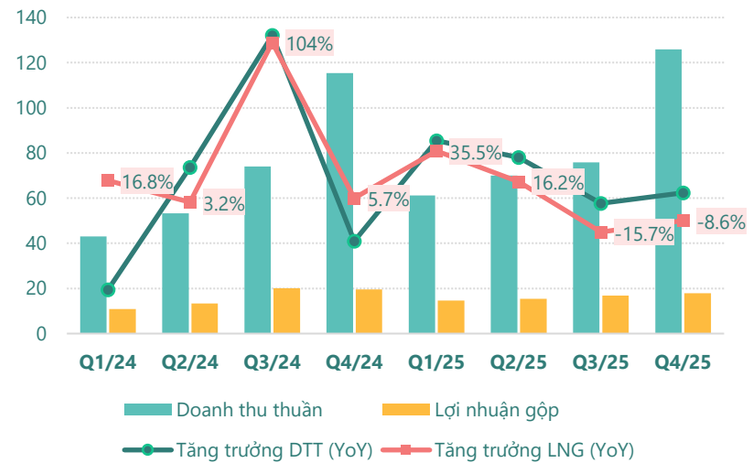


- Bộ Xây dựng
- Nguyễn Văn Sơn (Trưởng ban kiểm soát)
- Nguyễn Ngọc Hải (Kế toán trưởng)
- Phạm Việt Hùng
- Vũ Xuân Thắng (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

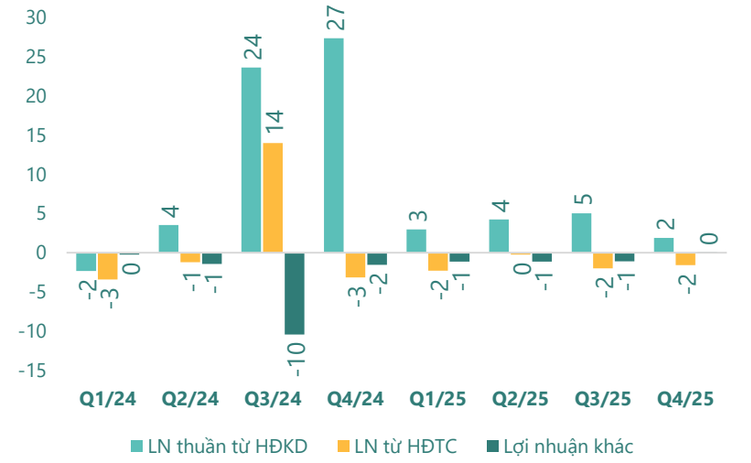
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



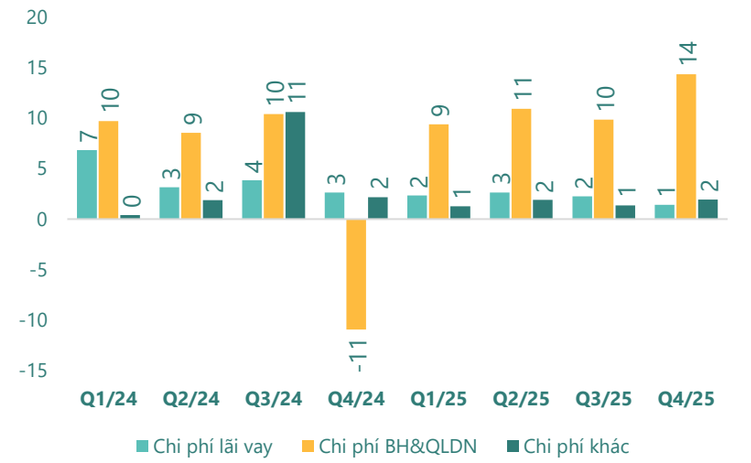
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



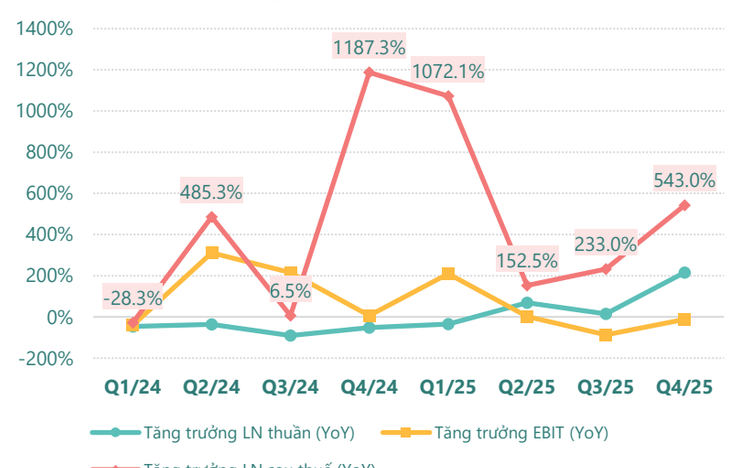
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



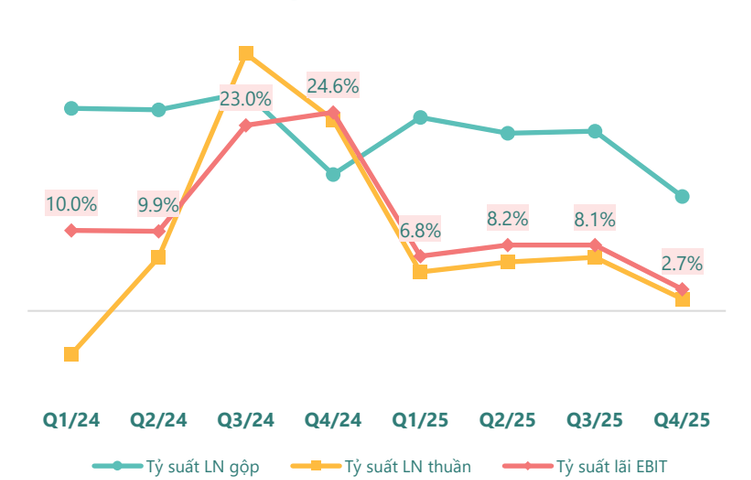
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



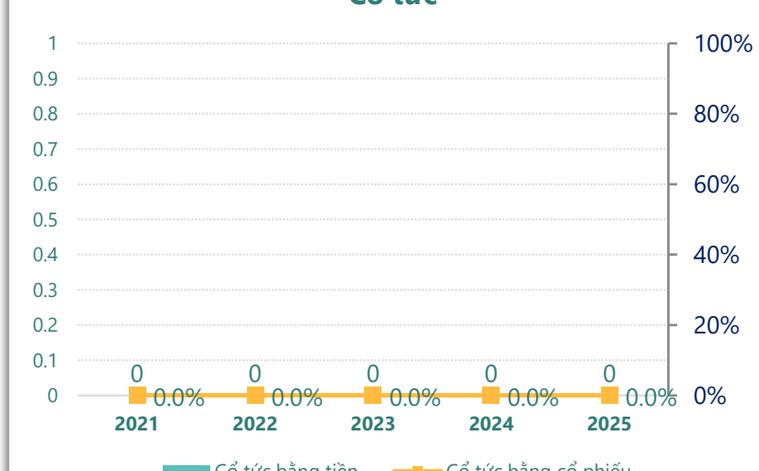
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

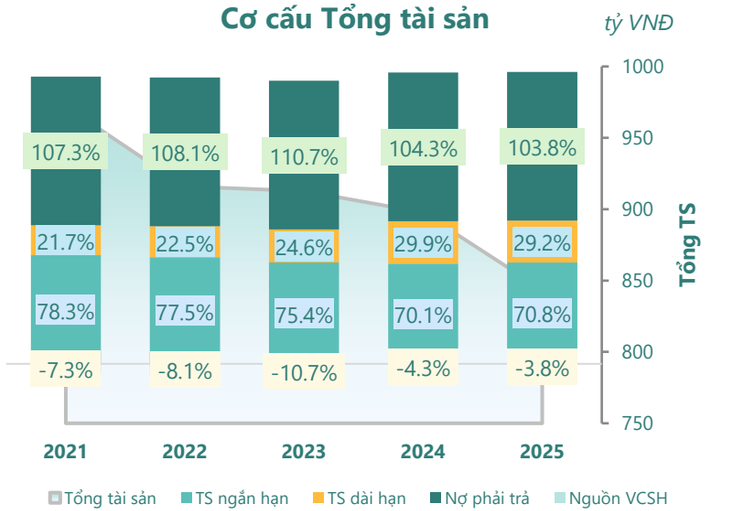
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

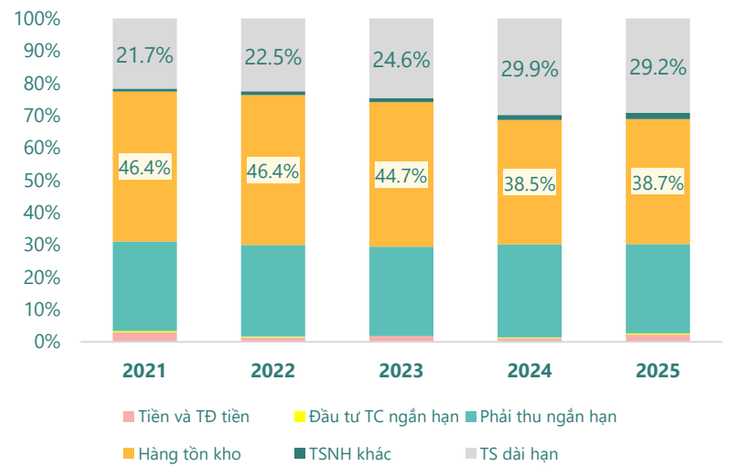
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



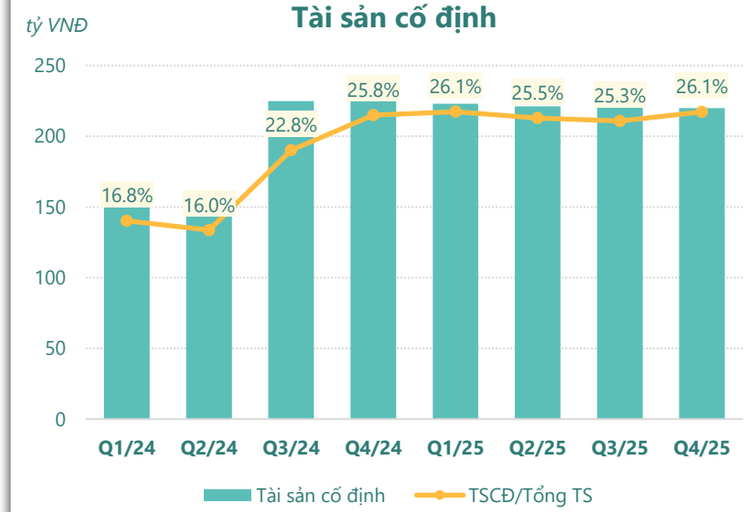
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



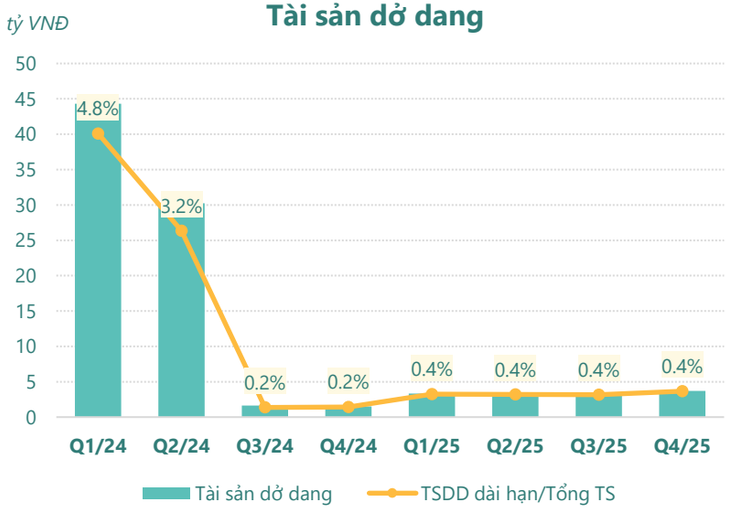
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



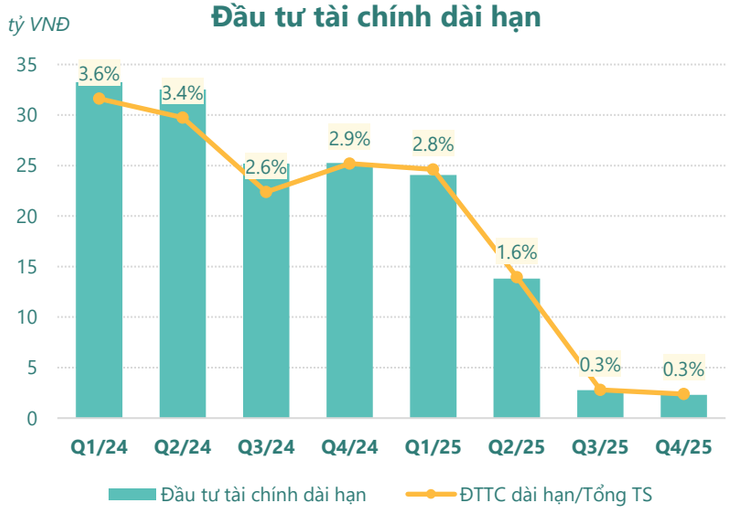
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



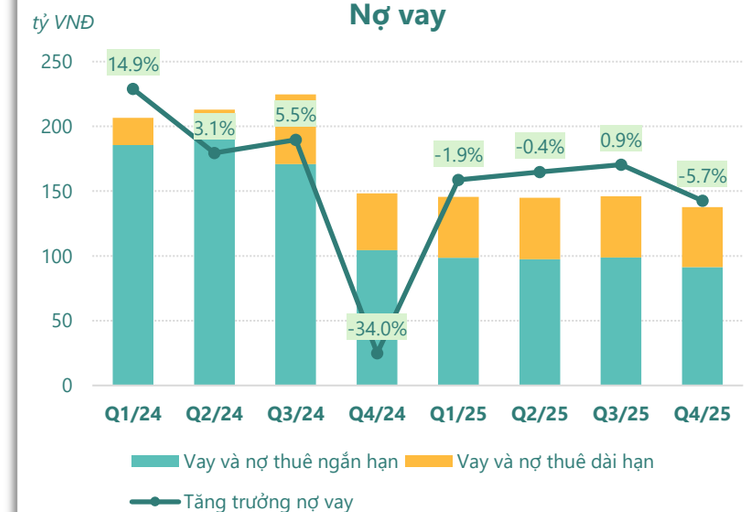
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

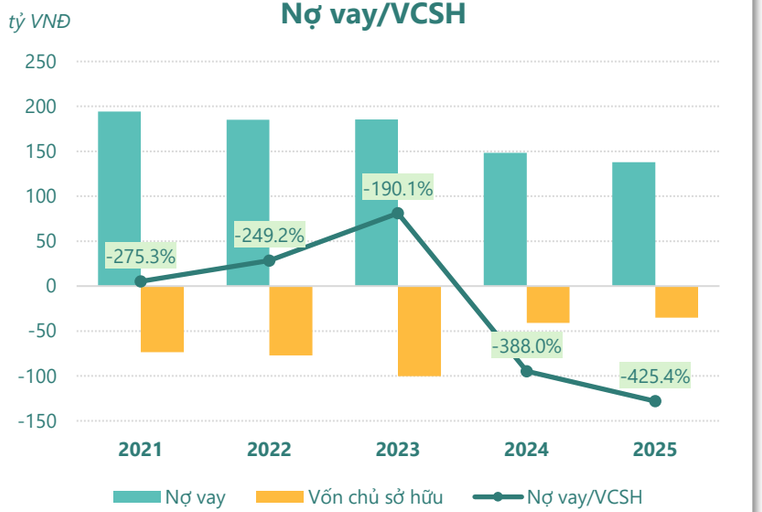
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

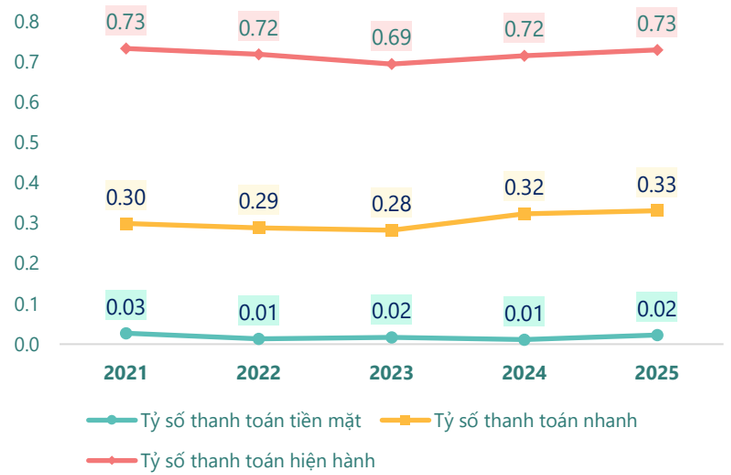
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



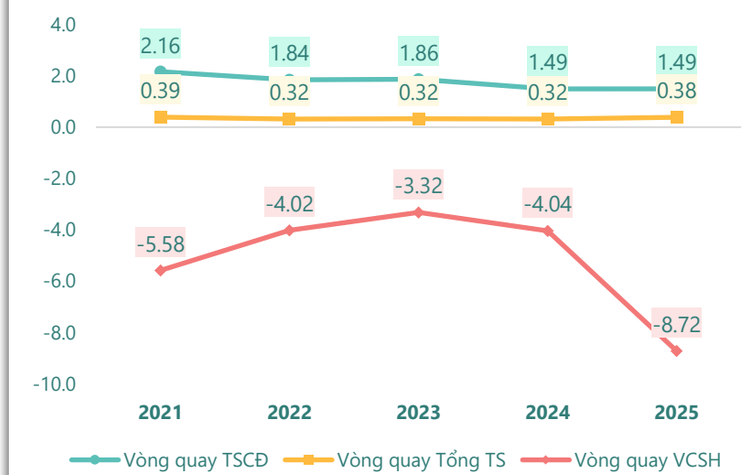
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



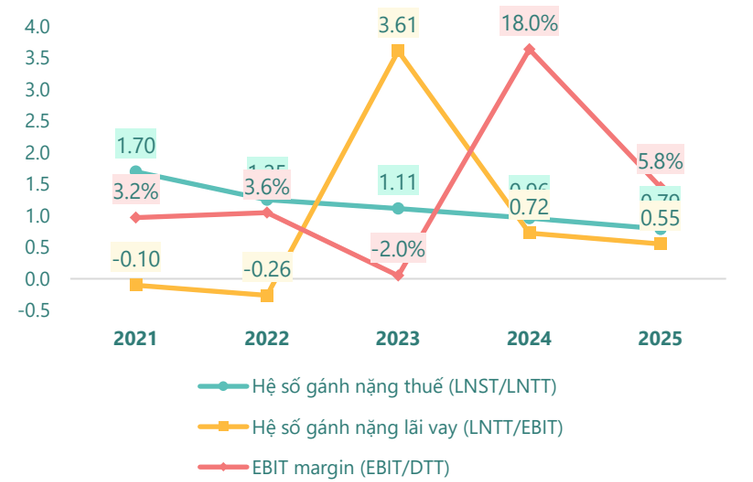
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



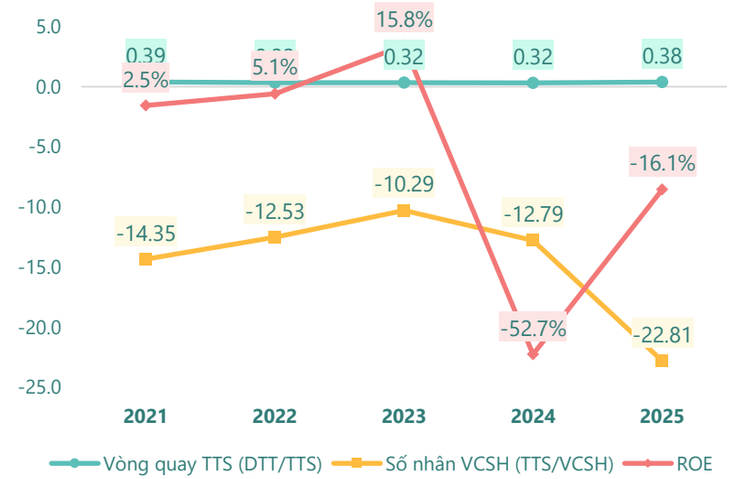
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



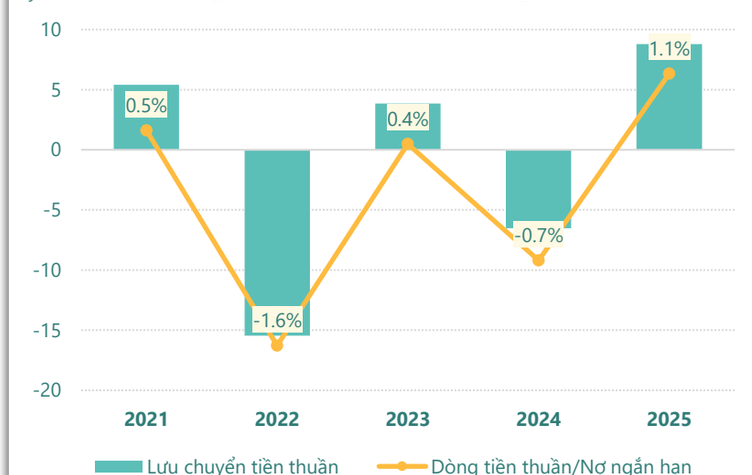
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**126**	**115**	**9.4%**	**333**	**286**	**16.5%**
Giá vốn hàng bán	108	95.9	12.6%	268	222	20.8%
Lợi nhuận gộp	17.9	19.5	-8.4%	64.9	63.9	1.6%
Doanh thu HĐTC	-0.17	-0.15	-15.2%	2.53	20.5	-87.6%
Chi phí TC	1.42	3.00	-52.6%	8.67	14.3	-39.3%
Chi phí lãi vay	1.42	2.63	-46.0%	8.67	14.3	-39.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**-1.21**	**100%**
Chi phí bán hàng	0.99	0.98	0.7%	2.33	2.60	-10.3%
Chi phí QLDN	**13.4**	**-11.9**	**212%**	**42.3**	**15.2**	**178%**
LN thuần từ HĐKD	1.89	27.3	-93.1%	14.1	51.1	-72.4%
Lợi nhuận khác	**0.07**	**-1.55**	**105%**	**-3.34**	**-13.9**	**76.0%**
LN trước thuế	1.96	25.8	-92.4%	10.8	37.1	-71.0%
Lợi nhuận sau thuế	**0.33**	**25.5**	**-98.7%**	**8.52**	**35.7**	**-76.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.43**	**25.5**	**-102%**	**6.16**	**37.3**	**-83.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.99	61.8	-1.96	-2.59	8.32	7.10
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-22.1	-56.9	-1.94	14.0	-16.7	0.09
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	20.3	-10.1	3.08	-6.48	6.92	-1.06
Tiền đầu kỳ	15.7	17.8	10.00	9.17	14.1	12.6
Lưu chuyển tiền thuần	**2.20**	**-5.12**	**-0.83**	**4.95**	**-1.48**	**6.13**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	17.8	12.7	9.17	14.1	12.6	18.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**844**	**898**	**-6.0%**
Tài sản ngắn hạn	597	630	-5.2%
Tiền và tương đương tiền	18.8	10.00	87.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.21	2.54	26.4%
Phải thu ngắn hạn	233	258	-9.7%
Hàng tồn kho	326	345	-5.5%
Tài sản ngắn hạn khác	15.7	13.8	14.3%
Tài sản dài hạn	**246**	**268**	**-8.0%**
Phải thu dài hạn	0	0.90	-100%
Tài sản cố định	220	226	-2.9%
Bất động sản đầu tư	0.50	0.50	0.0%
Tài sản dở dang	3.71	3.32	11.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.30	24.1	-90.5%
Tài sản dài hạn khác	**20.1**	**12.9**	**55.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	876	936	-6.4%
Nợ ngắn hạn	**819**	**880**	**-7.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	91.4	104	-12.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	94.8	110	-13.6%
Nợ dài hạn	57.1	55.4	3.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	46.3	43.8	5.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-32.4**	**-38.2**	**15.3%**
Vốn chủ sở hữu	**-35.3**	**-41.1**	**14.2%**
Vốn điều lệ	239	239	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**2.88**	**2.88**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)